

Số: 3660 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục:
Kè gia cố mái thượng lưu, trụ mố cầu treo, trụ mố cầu bê tông và đường
từ ngầm suối lên tại khu vực cầu treo thôn 6, thị trấn Krông Kmar thuộc
Dự án: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, huyện Krông Bông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định về phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2804b/QĐ-UBND, ngày 30/10/2012 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 634/TTr-STNMT ngày 25/11/2016; Công văn số 2363/SNN-TL ngày 17/11/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán hạng mục công trình, với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình: Kè gia cố mái thượng lưu, trụ mố cầu treo, trụ mố cầu bê tông và đường từ ngầm suối lên tại khu vực cầu treo thôn 6, thị trấn Krông Kmar - thuộc dự án: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, huyện Krông Bông.

- Loại Công trình: Công trình Thủy lợi cấp IV.

- Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tổ chức lập Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng - Tài nguyên nước SHT.

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông.

2. Quy mô xây dựng:

a) Kè gia cố mái thượng lưu trụ mô cầu bê tông:

- Tuyến kè được thiết kế bám dọc theo tuyến đường dẫn vào cầu bê tông hiện có. Đảm bảo nguyên tắc bám sát theo mái đường hiện trạng, không làm mất ổn định đến đường.

- Chân kè: Kết cấu bảo vệ chân kè là dạng kết cấu tường bê tông, tường bê tông M200 đá 1x2, bên ngoài tường chèn đá hộc, mặt trên đá hộc bố trí thêm hàng rọ đá lưới thép; tường cao 2m; đá hộc xếp hình thang cao 1,5m, mặt rộng 2m, đáy rộng 1m; kích thước rọ đá $L \times B \times H = (2 \times 1 \times 0,5)m$.

- Phần trên cao trình 432,75 m: Gia cố bảo vệ kè được ghép bởi các cấu kiện đúc sẵn bằng bê tông M200 có lỗ trống cỡ kỹ thuật để chống xói kết hợp tạo cảnh quan môi trường.

- Phần dưới cao trình 432,75m: Gia cố mái bằng các cấu kiện bê tông đúc sẵn dạng ngàm, các tấm cấu kiện có kích thước (40x40x16)m, phía dưới có lớp đá lọc 1x2 dày 10cm, lớp cuối cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

- Tại cao trình 432,75m bố trí 1 dầm dọc bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước 30x40cm trên lớp dăm sạn đệm dày 5cm.

- Dọc theo mái kè của các đơn nguyên bố trí dầm bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước 20x30 cm từ đỉnh kè đến đỉnh chân khay, giữa hai dầm này trong phạm vi ngập nước thường xuyên bố trí một dầm bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước 20x30cm để tạo thành các ô khung tăng cường ổn định mái kè (từ cao trình 432,75m trở xuống).

- Khóa đỉnh mái kè: Dầm khóa đỉnh mái kè bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước $b \times h = 50 \times 40cm$.

b) Kè gia cố mái thượng lưu mô cầu treo và đường ngàm qua suối:

Tuyến đường ngàm được thiết kế bám theo tuyến đường ngàm bằng đất hiện có. Các thông số cơ bản của tuyến đường:

+ Cấp đường ngàm: Đường cấp C.

+ Loại mặt đường: Bê tông xi măng M200 đá 1x2.

+ Tốc độ thiết kế: 15km/h.

+ Số làn xe chạy: 01.

+ Chiều rộng mặt đường: 3m.

+ Chiều rộng lề đường: 2x0,5m.

+ Chiều rộng nền đường: 4m.

+ Chiều dài đường: 72,66m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 3%.

+ Độ dốc dọc lớn nhất: 15%.

+ Bán kính đường cong nằm tối thiểu: 50cm.

c) Kết cấu gia cố bảo vệ:

- Mái ta luy bên trái đường ngàm tiếp giáp với mái gia cố đá xây đường dẫn và mô trụ cầu treo, kết cấu bằng đá xây vữa M100, chân mái tiếp giáp mặt đường được

bố trí rãnh thoát nước mặt bằng đá xây vữa M100. Thoát nước ngầm trong mái bằng dải lọc chạy dọc theo chân mái và lỗ thoát nước bằng ống nhựa PVC D50mm.

- Chân đường ngầm: Kết cấu bảo vệ chân đường ngầm là dạng kết cấu ống buy theo đoạn kè bờ trái từ Km 1+600 đến Km 2+120.

Kết cấu ống buy: Là tổ hợp kết cấu gồm một hàng ống buy bê tông cốt thép, lõi đá học đặt tại chân mái kè và lăng thể đá xếp phía ngoài; ống buy cao 2m, đường kính trong 1m, lăng thể đá hình thang cao 1m, mặt rộng 4m, đáy rộng 3m. Dạng kết cấu ống buy được bố trí tại các vị trí chân kè đặt trên các vị trí chân kè đặt trên các lớp đất, đá ổn định, sức chịu tải tốt.

- Phần từ mặt đỉnh kè tới chân khay: Gia cố mái bằng các cấu kiện bê tông đúc sẵn dạng ngầm, kết cấu bê tông M200 đá 1x2, kích thước (40x40x16)cm, dưới các cấu kiện bê tông là lớp đá lọc 1x2, dày 10cm và cuối cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

- Dọc theo mái phải đường ngầm bố trí dầm bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kỹ thuật (20x30)cm từ đỉnh đường ngầm đến đỉnh chân khay, cách nhau 5m để tạo thành các ô khung tăng cường ổn định mái kè.

- Khóa đỉnh đường ngầm: Dầm khóa đỉnh đường ngầm bằng bê tông cốt thép M200; kích thước cắt ngang (bxh)=(50x40)cm.

3. Giá trị dự đoán: 4.117.170.000 đồng.

(Bốn tỷ, một trăm mười bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	3.461.494.000 đ;
- Chi phí quản lý dự án	:	82.764.000 đ;
- Chi phí tư vấn xây dựng	:	307.361.000 đ;
- Chi phí khác	:	69.495.000 đ;
- Chi phí dự phòng	:	196.056.000 đ.

(Có bảng tổng hợp giá trị dự toán kèm theo).

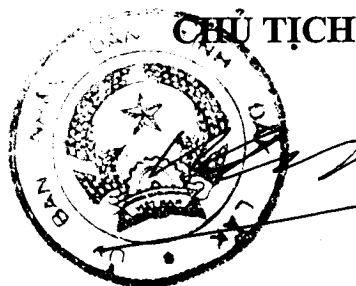
Điều 2: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này; quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật của Nhà nước.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

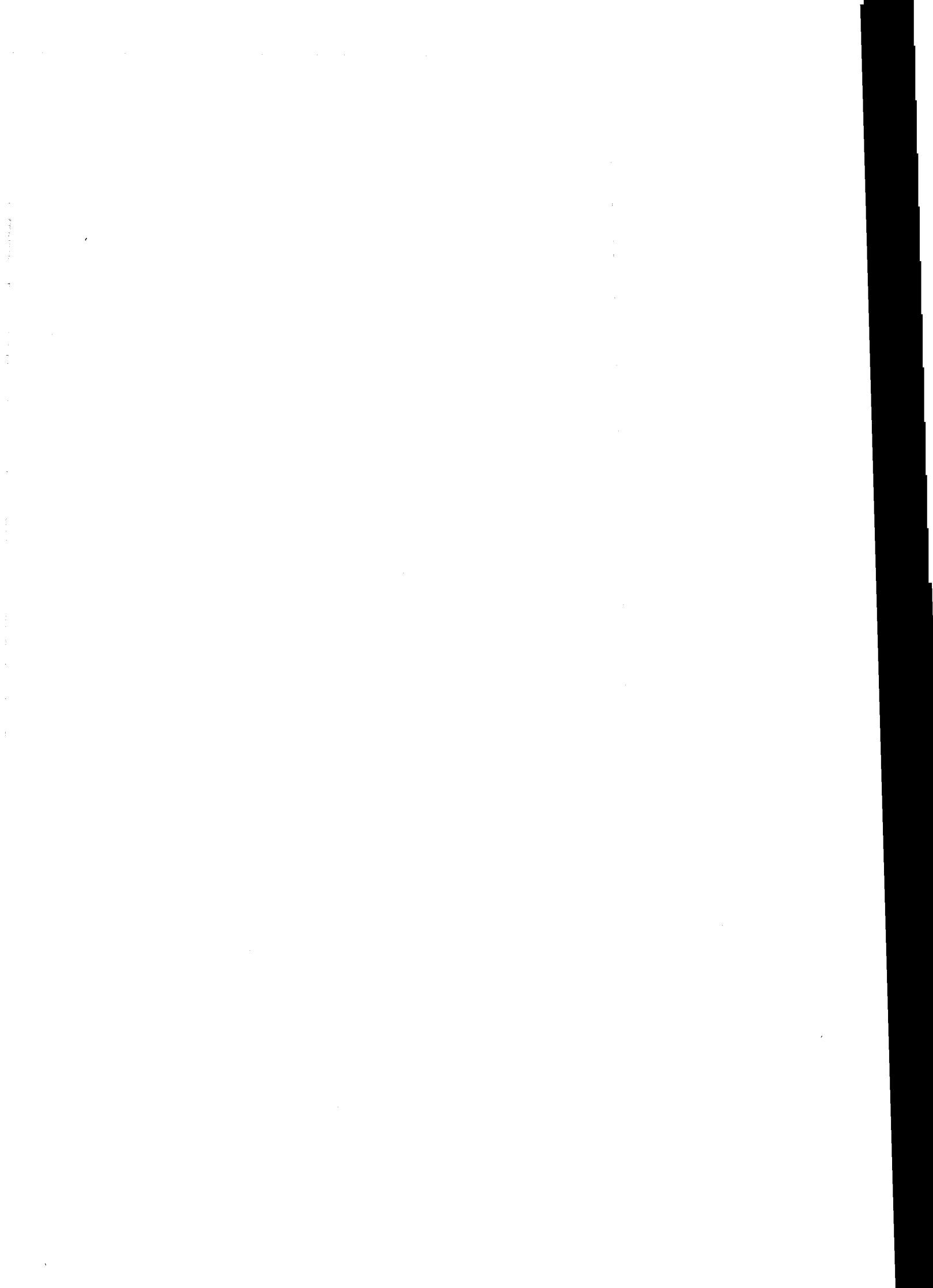
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ve*

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, NNMT (Th 25b).



Phạm Ngọc Nghị



TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DƯ TOÀN

Hàng mục: Kế gia có mái thường lưu, trụ mố cầu bê tông và đường ngầm
Dự án: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông
 (Kèm theo Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh)

Stt	Hàng mục công trình	Hệ số	GT trước thuế	Thuế VAT	GT sau thuế
I	Chi phí xây dựng (H)		3.146.812.727	314.681.273	3.461.494.000
II	Chi phí quản lý dự án	2.3910 % x H	75.240.292	7.524.029	82.764.322
III	Chi phí tư vấn BTXD		279.418.967	27.941.897	307.360.863
I	Khảo sát phí		84.662.727	8.466.273	93.129.000
2	Lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật	2.74% x H x 1.5	129.334.003	12.933.400	142.267.403
3	Giám sát thi công xây dựng	2.0790% x H	65.422.237	6.542.224	71.964.460
IV	Chi phí khác		43.686.084	2.271.164	69.495.407
1	Chi phí mua bảo hiểm công trình	0.68%	21.398.327	2.139.833	23.538.159
2	Lệ phí thẩm định TKBVTC	0.121% x H	3.807.643		3.807.643
3	Lệ phí thẩm định dự toán	0.117% x H	3.681.771		3.681.771
5	Kiểm toán	0.64% x TMDT	22.711.636	2.271.164	24.982.800
6	Thăm tra, phê duyệt quyết toán	0.38% x TMDT	13.485.034		13.485.034
TỔNG:					3.921.114.592
V	Chi phí dự phòng	5% x (I+II+III+IV)	5.0000%		196.055.730
TỔNG CỘNG (lấy tròn):					4.117.170.000

